

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Ông Nguyễn Phúc Vĩnh H, sinh năm 1993; địa chỉ cũ: 32 Bùi Hữu N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ hiện nay: tổ 3 S, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1990; địa chỉ: 32 Bùi Hữu N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 11 năm 2022, người yêu cầu là ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 159/2015, ngày 30/9/2015). Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và tính tình không phù hợp, vợ chồng quá khác biệt về tư tưởng cũng như về

tính cách nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau nữa và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phúc Bảo N, sinh ngày 8/3/2016 và Nguyễn Phúc Bảo T, sinh ngày 20/11/2019. Ly hôn, ông bà thỏa thuận bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phúc Bảo T cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phúc Bảo N cho đến khi đủ 18 tuổi, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P khẳng định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P mỗi người chịu 150.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006471 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 159/2015 do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/9/2015).

* Về con chung: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phúc Bảo N sinh ngày 8/3/2016 và Nguyễn Phúc Bảo T, sinh ngày 20/11/2019. Ly hôn, ông bà thỏa thuận bà Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phúc Bảo T cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phúc Bảo N cho đến khi đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P khẳng định vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ chung: ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P khẳng định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Nguyễn Phúc Vĩnh H và bà Trần Thị P mỗi người chịu 150.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006471 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S;
- Các đương sự;
- CC THADSQ. S;
- UBND phường A,
quận S, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

